



VN-Index tăng 0,7%

Ngày báo cáo 9/1/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 0,7%

VN-Index tăng 0,7% (+12,3 điểm) vào thứ Sáu, đóng cửa phiên giao dịch tại mức 1.867,9 điểm. Năm trong số mười cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào đà tăng của chỉ số thuộc nhóm ngân hàng, trong khi diễn biến của nhóm vốn hóa lớn nhìn chung có sự phân hóa. Toàn sàn ghi nhận 99 mã tăng, 207 mã giảm và 53 mã đi ngang. Thanh khoản đi ngang so với phiên trước, đạt 39,2 nghìn tỷ đồng.

- Nhóm Ngân hàng: Các mã đóng góp vào đà tăng bao gồm VCB (+6,8%), BID (+7,0%), CTG (+6,7%), MBB (+2,6%) và TCB (+1,8%). Ngược lại, VPB (-3,4%), HDB (-3,1%), LPB (-1,9%) và STB (-3,2%) giảm mạnh.
- Nhóm Bất động sản: VHM (+0,6%) tăng điểm, BCM (+4,1%) và KBC (+1,1%) tăng mạnh, trong khi VRE (-2,5%), KDH (-6,2%) và NVL (-5,6%) giảm sâu.
- Các mã tăng điểm đáng chú ý ở các nhóm ngành khác bao gồm công ty tiện ích GAS (+6,0%), tập đoàn cao su GVR (+5,2%), các công ty dầu khí BSR (+5,9%) và PLX (+3,6%), hãng hàng không HVN (+1,1%) và công ty hàng công nghiệp VGC (+3,0%).
- Các mã giảm điểm nổi bật bao gồm các cổ phiếu tiêu dùng VNM (-1,9%), MSN (-2,3%), VPL (-1,1%), MWG (-1,7%), VJC (-2,1%), FRT (-1,7%), các công ty hàng công nghiệp GEE (-3,3%) và GEX (-6,5%), cùng công ty chứng khoán VCK (-4,6%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành Năng lượng: Mỏ Hải Sư Vàng (1,9 tỷ USD) giúp tăng trữ lượng dầu của Việt Nam thêm 10% và củng cố chu kỳ tăng trưởng hoạt động thăm dò & khai thác (E&P) hiện tại
- DPG: Thông qua phương án chi tiết phát hành riêng lẻ huy động 640 tỷ đồng
- DPM: Kế hoạch LNST năm 2026 tăng gấp đôi cùng kỳ, tuy nhiên có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo LNST năm 2026 của chúng tôi
- HPG: Sản lượng bán hàng năm 2025: Tháng 12 ghi nhận mức cao kỷ lục ở các dòng sản phẩm chính
- KDH: Kế hoạch sơ bộ năm 2026 dự kiến lợi nhuận tăng trưởng mạnh 50%-150% YoY - Nhận định nhanh

Báo cáo trong ngày

- Báo cáo Trái phiếu tiền tệ: Dư nợ OMO đạt mức cao kỷ lục
- HDC: The Light City Giai đoạn 1, Eco Home 1 dự kiến sẽ thúc đẩy sự phục hồi của doanh số bán BĐS trong năm 2026 - Cập nhật
- PVD: Triển vọng thăm dò-khai thác tích cực giúp hỗ trợ mở rộng thêm đội giàn khoan - Cập nhật

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1867,9	247,1	121,8
% Δ	0,7%	-0,8%	0,2%
- % Δ 1 tuần	4,7%	-1,4%	0,9%
- % YTD	47,5%	8,6%	28,2%
- % YOY	49,9%	11,3%	30,9%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.495,1	\$83,9	\$32,9
- TB 1 tháng (triệu)	\$976,4	\$57,2	\$29,1
- TB 1 năm (triệu)	\$1.026,3	\$72,8	\$32,7
- TB QTD	\$1.316,9	\$73,8	\$27,2
- % TB QTD/TB quý gần nhất	28,8%	3,0%	10,1%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$180,2	\$4,1	\$0,6
- Bán (triệu)	\$149,6	\$3,6	\$1,8
- GT ròng (triệu)	\$30,6	\$0,5	-\$1,2
Độ rộng TT			
Mã tăng	109	57	179
Mã giảm	228	89	203
Không đổi	84	159	510
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	332,8	16,8	50,9
P/E trượt 12T	16,7	19,0	14,2
LS cổ tức*	2,7%	4,3%	11,7%
Giao dịch	Giá	KL	GTGD
Phái sinh		mở cửa	(tr USD)
VN30F1M	2.061,6	33.435	2.567,0
VN30F2M	2.061,0	2.822	13,2
VN30F1Q	2.055,2	542	0,7
VN30F2Q	2.059,2	289	0,0
VN100F1M	1.934,2	51	0,3
VN100F2M	1.940,1	16	0,1
VN100F1Q	1.958,2	10	0,1
VN100F2Q	1.929,9	7	0,1
USD/VND	26.270		

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Dựa trên tín hiệu hiện tại, chúng tôi cho rằng hoạt động cung ngắn hạn trên sàn HOSE chưa chuyển giảm trong phiên 09/01 và duy trì khả năng VN-Index sẽ tiếp tục dao động trong biên độ 1.845-1.890 điểm (+/-10 điểm) trong một đến hai phiên đầu tuần tới với mục đích cân bằng lực cung. Dự báo sau khi lực bán suy giảm, mục tiêu tiếp theo cho VN-Index là khu vực 1.930 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Ngành Năng lượng: Mỏ Hải Sư Vàng (1,9 tỷ USD) giúp tăng trữ lượng dầu của Việt Nam thêm 10% và củng cố chu kỳ tăng trưởng hoạt động thăm dò & khai thác (E&P) hiện tại

* Tập đoàn Murphy Oil (Mỹ) thông báo đã khoan thành công giếng thăm lượng Hải Sư Vàng-2X tại Bể Cửu Long, xác nhận một phát hiện dầu khí trọng yếu tại ASEAN trong 20 năm qua. Kết quả này vượt mức dự báo ban đầu của công ty là 170-430 triệu thùng dầu quy đổi (mnboe) trong thông báo phát hiện vào tháng 1/2025.

* Với trữ lượng khoảng khoảng 430 mnboe, mỏ Hải Sư Vàng có thể giúp tăng trữ lượng dầu quốc gia thêm khoảng 9,7%. Trữ lượng dầu được chứng minh của Việt Nam hiện ở mức 4,4 tỷ thùng. So với mỏ Lạc Đà Vàng (63 mnboe; vốn đầu tư E&P là 700 triệu USD), Hải Sư Vàng có quy mô lớn gấp 6,8 lần.

* Chúng tôi hiện ước tính vốn đầu tư cho E&P dự án Hải Sư Vàng là 1,9 tỷ USD.

* Tiếp nối giếng HSV-2X, Murphy có kế hoạch khoan thăm lượng bổ sung, bao gồm các giếng HSV-3X (Lô 15-1/05) và HSV-4X (Lô 15-2/17), để hoàn thiện cơ sở dữ liệu kỹ thuật phục vụ quyết định phát triển mỏ. **Song song đó, công ty tái khẳng định kế hoạch vốn đầu tư XDDB năm 2026 ở mức 1,1-1,3 tỷ USD**, báo hiệu chiến lược mở rộng dài hạn tại Đông Nam Á, với Việt Nam là thị trường trọng tâm. Ngoài Hải Sư Vàng, Murphy tiếp tục phân bổ nguồn vốn lớn cho các hoạt động E&P trên khắp Việt Nam, bao gồm các khu vực tại bể Cửu Long, bể Phú Khánh và đẩy nhanh tiến độ dự án Lạc Đà Vàng. Murphy Oil hiện có vốn hóa thị trường đạt 4,2 tỷ USD, doanh thu năm 2024 đạt 3,0 tỷ USD và LNST sau lợi ích CBTS đạt 407 triệu USD.

* Dự án Hải Sư Vàng củng cố dự báo của chúng tôi về đà tăng trưởng chi tiêu E&P mạnh mẽ tại Việt Nam trong 3 năm tới. Điều này sẽ thúc đẩy nhu cầu đối với dịch vụ khoan và dịch vụ EPC, mang lại lợi ích lớn nhất cho **PVD (Khuyến nghị: MUA) và PVS (Khuyến nghị: MUA)**.

DPG: Thông qua phương án chi tiết phát hành riêng lẻ huy động 640 tỷ đồng

* Ngày 07/01/2026, CTCP Tập đoàn Đạt Phương (DPG) thông qua phương án chi tiết và danh sách nhà đầu tư dự kiến tham gia đợt chào bán riêng lẻ (tỷ lệ 18%). Chúng tôi đã phản ánh đợt phát hành riêng lẻ này trong báo cáo cập nhật DPG gần đây ngày 06/01. Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo của chúng tôi do giá chào bán được phê duyệt là 36.000 đồng/cổ phiếu, khá sát với mức dự phóng 35.400 đồng/cổ phiếu của chúng tôi. Chúng tôi hiện duy trì khuyến nghị MUA đối với DPG với giá mục tiêu 48.700 đồng/cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 17,8 triệu cổ phiếu.

- Giá chào bán: 36.000 đồng/cổ phiếu (tương đương 1,72 lần giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu - BVPS).

- Tổng số tiền dự kiến thu được: 640 tỷ đồng.

- **Nhà đầu tư dự kiến tham gia:** 8 nhà đầu tư, bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (xem danh sách chi tiết bên dưới).

* **Thông tin thêm về mục đích sử dụng vốn:**

- **Khu phức hợp nghỉ dưỡng Bình Dương - 48% (khoảng 307 tỷ đồng):** sử dụng cho công tác giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng, chi phí quản lý dự án,... Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2026 và theo tiến độ thực tế của dự án.

- **Dự án kính năng lượng mặt trời - 18% (khoảng 115 tỷ đồng):** Trong đó 35 tỷ đồng sẽ được dùng để mua thêm cổ phần và thực hiện quyền mua thêm trong năm 2026. Tỷ lệ sở hữu của DPG tại DPGlass sẽ tăng từ 73% lên 80,75%.

- **Vốn lưu động & máy móc thiết bị cho mảng xây dựng - 34% (khoảng 218 tỷ đồng):** Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2026.

* **Danh sách các nhà đầu tư lớn dự kiến tham gia:**

- **Nhà đầu tư trong nước:**

+ **Manulife Vietnam:** 2,87 triệu cổ phiếu, chiếm 2,42% tổng lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành riêng lẻ.

+ **SSI:** 2,24 triệu cổ phiếu, chiếm 1,89% tổng lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành riêng lẻ.

+ **Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (Vinare):** 1,37 triệu cổ phiếu, chiếm 1,15% tổng lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành riêng lẻ.

- **Nhà đầu tư nước ngoài:**

+ **DAIWA-SSIAM Vietnam Growth Fund III & IV:** 4,75 triệu cổ phiếu, chiếm 4% tổng lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành riêng lẻ; quỹ thành viên của SSIAM.

+ **Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL):** 3 triệu cổ phiếu, chiếm 2,53% tổng lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành riêng lẻ; quỹ thành viên của Dragon Capital.

+ **Amersham Industries Limited:** 3 triệu cổ phiếu, chiếm 2,53% tổng lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành riêng lẻ; quỹ thành viên của Dragon Capital.

+ **Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust:** 0,5 triệu cổ phiếu, chiếm 0,42% tổng lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành riêng lẻ; quỹ thành viên của Dragon Capital.

DPM: Kế hoạch LNST năm 2026 tăng gấp đôi cùng kỳ, tuy nhiên có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo LNST năm 2026 của chúng tôi

* Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM) công bố kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

- Sản lượng tiêu thụ nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi: 833.000 tấn urê (+4% so với kế hoạch năm 2025, khoảng 98% dự báo năm 2026 của chúng tôi) do nhu cầu bị trì hoãn trong quý 4/2025 vì lũ lụt chuyển sang quý 1/2026. Kế hoạch tiêu thụ NPK đạt 180.000 tấn (+3% so với kế hoạch 2025, khoảng 85% dự báo năm 2026 của chúng tôi), đồng nghĩa với việc DPM tiếp tục gia tăng thị phần.

- Kế hoạch doanh thu 17,6 nghìn tỷ đồng (+37% so với kế hoạch năm 2025, khoảng 107% dự báo năm 2026 của chúng tôi), có khả năng phản ánh doanh thu kinh doanh phân bón thương mại cao hơn và đóng góp từ sản phẩm DAP mới. Kế hoạch LNST 680 tỷ đồng (gấp 2,1 lần so với kế hoạch năm 2025, khoảng 45% dự báo năm 2026 của chúng tôi), được cho là do (1) LNST từ mảng urê tăng mạnh nhờ sản lượng tiêu thụ cao hơn và giá khí thấp hơn, và (2) sản lượng tiêu thụ NPK cao hơn. Chúng tôi lưu ý rằng LNST thực tế của DPM đạt 238% so với kế hoạch trong giai đoạn 2022-24.

- DPM cũng đặt kế hoạch cổ tức 12% cho năm 2026, tương ứng mức cổ tức/cổ phiếu (DPS) là 1.200 đồng, nhìn chung phù hợp với giả định 1.400 đồng của chúng tôi. Vốn đầu tư XDCB theo kế hoạch là 1,2 nghìn tỷ đồng, cao hơn mức dự báo 200 tỷ đồng của chúng tôi do chúng tôi chưa đưa khoản vốn đầu tư XDCB tiềm năng cho mảng hóa chất vào định giá.

*** Quan điểm của chúng tôi:** Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với dự báo LNST năm 2026 (1,5 nghìn tỷ đồng, +38% YoY) do giá bán urê trung bình quân có thể thấp hơn một chút so với kỳ vọng, điều này có thể được bù đắp một phần bởi giá khí đầu vào thấp hơn một chút so với dự kiến, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị KHẢ QUAN đối với DPM với giá mục tiêu là 29.000 đồng/cổ phiếu.

HPG: Sản lượng bán hàng năm 2025: Tháng 12 ghi nhận mức cao kỷ lục ở các dòng sản phẩm chính

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) công bố trên website thông tin về sản lượng bán hàng tháng 12/2025 và cả năm:

*** Thép xây dựng:**

Tháng 12/2025, sản lượng bán thép xây dựng đạt 585.000 tấn (+55% MoM; +52% YoY) – mức cao nhất trong lịch sử. Chúng tôi cho rằng kết quả ấn tượng này đến từ (1) nhu cầu xây dựng cuối năm từ cả lĩnh vực BĐS và cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng, và (2) nhu cầu xây dựng tái thiết sau thiên tai. Nhìn chung, sản lượng bán thép xây dựng quý 4/2025 đạt 1,3 triệu tấn (+24% QoQ; +14% YoY). Lũy kế năm 2025, sản lượng bán thép xây dựng của HPG đạt 4,85 triệu tấn (+8% YoY; 99% dự báo năm 2025 của chúng tôi), phù hợp với kỳ vọng. Chúng tôi xin nhắc lại, doanh số thép xây dựng tháng 10 và 11 ở mức thấp do điều kiện thời tiết bất lợi. Tuy nhiên, doanh số tháng 12 cao hơn dự kiến, do đó kết quả cả năm vẫn phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

*** HRC (Thép cuộn cán nóng):**

Tháng 12 cũng ghi nhận sản lượng bán hàng đạt mức kỷ lục mới, tăng 172% YoY và 23% MoM lên 573.000 tấn. Mức cải thiện mạnh so với cùng kỳ được thúc đẩy bởi (1) đóng góp mới từ Nhà máy Dung Quất 2 (DQ2) (cả Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2) và (2) biện pháp phòng vệ AD20 đối với HRC khổ hẹp của Trung Quốc. Giả định Nhà máy DQ1 hoạt động 100% công suất, chúng tôi ước tính hiệu suất chung của Nhà máy DQ2 (tức là tổng 2 giai đoạn) đạt 73% trong tháng 12 và 64% trong quý 4/2025. Trong năm 2025, doanh số tăng mạnh 72% YoY lên gần 5 triệu tấn (100% dự báo năm 2025 của chúng tôi). Do đó, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo sản lượng bán HRC năm 2026.

*** Ống thép:**

Sản lượng bán hàng năm 2025 đạt 849.000 tấn, tăng 20% YoY, hoàn thành 109% dự báo năm 2025 của chúng tôi – cao hơn kỳ vọng.

*** Tôn mạ:**

Doanh số năm 2025 giảm 5% YoY xuống 423.000 tấn, nhưng hoàn thành 111% dự báo của chúng tôi, vượt kỳ vọng.

Sản lượng bán hàng năm 2025 của HPG

Nghìn tấn	12/ 2024	11/ 2025	12/ 2025	YoY	MoM	Q4 2024	Q3 2025	Q4 2025	YoY	2024	2025	YoY	Dự báo 2025	KQ 2025/ dự báo 2025
Thép xây dựng	384	377	585	52%	55%	1.159	1.063	1.322	24%	4.483	4.853	8%	4.890	99%
HRC	211	464	573	172%	23%	657	1.266	1.600	26%	2.925	5.034	72%	5.040	100%
Ống thép	60	70	92	53%	33%	205	225	221	-2%	708	849	20%	780	109%
Tôn mạ	22	37	40	83%	8%	102	120	103	-14%	446	423	-5%	380	111%

Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam, Vietcap

KDH: Kế hoạch sơ bộ năm 2026 dự kiến lợi nhuận tăng trưởng mạnh 50%-150% YoY - Nhận định nhanh

Kết quả sơ bộ năm 2025 và kế hoạch năm 2026

* CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) công bố LNST sau lợi ích CĐTS sơ bộ năm 2025 đạt hơn 1,0 nghìn tỷ đồng, nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi là 1,04 nghìn tỷ đồng (+29% YoY).

* Đối với năm 2026, ban lãnh đạo chia sẻ **kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTS sơ bộ đạt 1,5-2,5 nghìn tỷ đồng**, chúng tôi đánh giá đây là điểm bứt phá lợi nhuận rõ ràng, tương ứng với mức tăng trưởng mạnh 50%-150% YoY cho triển vọng lợi nhuận năm 2026.

* Theo ban lãnh đạo, tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 dự kiến được thúc đẩy bởi:

1. Hoàn tất bán hàng và ghi nhận lợi nhuận từ các căn thấp tầng tại dự án Gladia by the Waters (TP.HCM; 11,8 ha; Liên doanh với Keppel, KDH sở hữu 51%) và hàng tồn kho còn lại tại các dự án khác ở TP.HCM; và

2. Kỳ vọng lợi nhuận từ việc hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước để triển khai đầu tư, kinh doanh các dự án tại TP.HCM (bao gồm Bình Trưng Đông, The Solina và KCN Lê Minh Xuân mở rộng).

* Ngoài ra, giai đoạn cao tầng của dự án Gladia dự kiến khởi công vào quý 1/2026, với thời điểm bàn giao vào quý 4/2027, qua đó sẽ hỗ trợ kế hoạch lợi nhuận năm 2027 của công ty.

* Một thông tin khác, KDH cũng xác nhận rằng cho đến nay, công ty chưa có kế hoạch thực hiện huy động vốn cổ phần, nhằm làm rõ các tin đồn trên thị trường về khả năng phát hành trong ngắn hạn.

Tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận của chúng tôi do chưa phản ánh đóng góp tiềm năng từ các hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết

* Dự báo LNST sau lợi ích CĐTS của chúng tôi chưa bao gồm lợi nhuận tiềm năng từ hợp tác, liên doanh, liên kết của KDH.

* Trong [Báo cáo Cập nhật](#) tháng 11/2025, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 tăng 70% so với dự báo năm 2025 lên 1,8 nghìn tỷ đồng do chúng tôi kỳ vọng việc bán hàng và bàn giao toàn bộ các căn thấp tầng tại Gladia sẽ hoàn tất trong năm 2026. Trong khi đó, chúng tôi dự báo dự án Bình Trưng Đông, The Solina và KCN Lê Minh Xuân Mở rộng sẽ bắt đầu đóng góp vào lợi nhuận từ năm 2027 trở đi.

Định giá hấp dẫn, được hỗ trợ bởi quỹ đất tại khu vực lõi TP.HCM và triển vọng doanh số bán hàng giai đoạn 2026-27 tích cực

* Chúng tôi đánh giá KDH đang giao dịch ở mức định giá hấp dẫn, với P/B dự phóng các năm 2025/26/27 lần lượt là 1,7 lần/1,6 lần/1,4 lần (dựa trên dự báo của chúng tôi), so với mức trung bình 5 năm là khoảng 2,2 lần. Điều này được củng cố bởi quỹ đất lớn của công ty tại khu vực lõi TP.HCM, vị thế bảng cân đối kế toán vững chắc, và danh mục dự án phát triển rõ ràng trong giai đoạn tới.

* Chúng tôi dự báo doanh số bán BDS nhà ở của KDH sẽ đạt mức trung bình 7,2 nghìn tỷ đồng/năm trong giai đoạn 2025-2027, gấp 3,7 lần mức trung bình 5 năm trước đó, nhờ danh mục dự án mở bán đa dạng hơn, bao gồm Gladia (giai đoạn thấp tầng và cao tầng) và các dự án khác tại khu vực lõi TP.HCM (dự án Bình Trưng Đông và The Solina).

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với KDH với giá mục tiêu 48.500 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

Báo cáo Trái phiếu tiền tệ: Dự nợ OMO đạt mức cao kỷ lục

Lượng phát hành Trái phiếu Chính phủ (TPCP) tháng 12 đạt mức cao nhất 9 tháng

* Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã phát hành 64,6 nghìn tỷ đồng TPCP trong tháng 12, gấp 2,7 lần so với tháng 11, đánh dấu mức phát hành tháng cao nhất trong 9 tháng.

* Mặc dù tăng tốc trong những tháng cuối năm 2025, KBNN vẫn không đạt mục tiêu phát hành, chỉ hoàn thành 79,9% kế hoạch quý 4/2025 và 74,3% kế hoạch cả năm 2025. Trong năm 2025, KBNN đã phát hành 371,5 nghìn tỷ đồng TPCP, trong khi ước tính khoảng 35,6 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến giá trị phát hành ròng đạt 335,9 nghìn tỷ đồng (+29,6% YoY).

* Lợi suất trái phiếu tiếp tục tăng trên cả hai thị trường. Trên thị trường sơ cấp, lợi suất kỳ hạn 5 năm và 10 năm tăng lên lần lượt 3,2% (+4 điểm cơ bản so với tháng trước - MoM) và 4,0% (+14 điểm cơ bản MoM). Trong khi đó, trên thị trường thứ cấp, lợi suất 5 năm và 10 năm lần lượt là 3,25% và 4,04%, tăng 7 điểm cơ bản MoM và 15 điểm cơ bản MoM.

Lợi suất TPCP có thể duy trì ở mức cao trong tháng 1

* Chúng tôi cho rằng lợi suất TPCP sẽ duy trì ở mức cao trong tháng 1, do thanh khoản liên ngân hàng có khả năng vẫn thắt chặt trước kỳ nghỉ Tết. Tuy nhiên, chúng tôi ước tính khoảng 9,5 nghìn tỷ đồng TPCP sẽ đáo hạn vào tháng 1/2026, điều này có thể hỗ trợ nhu cầu tái đầu tư và giúp hạn chế áp lực tăng thêm đối với lợi suất.

Nhu cầu thanh khoản cuối năm đẩy lãi suất liên ngân hàng lên mức cao

* Lãi suất qua đêm tiếp tục tăng từ mức 5,25% trong tháng 11 lên mức trung bình 6,0% trong tháng 12. Lãi suất liên ngân hàng tăng cao do tín dụng tăng trưởng mạnh (+17,9% so với đầu năm tính đến ngày 24/12) vượt xa tăng trưởng huy động, cùng với dự nợ OMO (thị trường mở) lưu hành đạt kỷ lục 410 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, lãi suất qua đêm tăng mạnh, đạt 8,15% vào ngày giao dịch cuối cùng của năm 2025 (+298 điểm cơ bản so với cuối tháng 11), phản ánh hoạt động chốt sổ cuối năm của các ngân hàng nhằm cải thiện các chỉ số an toàn và đánh dấu mức cao nhất kể từ tháng 3/2012.

* Để đáp ứng nhu cầu thanh khoản, NHNN duy trì bơm ròng trong tháng 12, bơm khoảng 78,5 nghìn tỷ đồng vào hệ thống liên ngân hàng.

* Chúng tôi dự báo nhu cầu thanh khoản sẽ hạ nhiệt vào đầu tháng 1 sau khi áp lực cuối năm tạm lắng, tạo điều kiện cho lãi suất liên ngân hàng điều chỉnh giảm. Tuy nhiên, lãi suất có thể vẫn duy trì ở mức cao do nhu cầu thanh khoản thường tăng lên trước kỳ nghỉ Tết.

Tỷ giá USD/VND giảm trong tháng cuối năm

* Tỷ giá USD/VND đóng cửa ở mức 26.298 trên thị trường liên ngân hàng vào ngày giao dịch cuối cùng của năm, tương ứng mức giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 3,1% cho cả năm 2025. Diễn biến của tỷ giá USD/VND trong tháng 12 được hỗ trợ bởi: (1) đợt cắt giảm lãi suất lần thứ 3 liên tiếp của Fed vào ngày 10/12; (2) nhu cầu thanh khoản VND cao trong tháng; và (3) nguồn cung ngoại tệ dồi dào từ kiều hối trước kỳ nghỉ Tết.

* Chúng tôi kỳ vọng dòng vốn ngoại vững chắc - bao gồm FDI, kiều hối, thặng dư thương mại hàng hóa và thâm hụt thương mại dịch vụ thu hẹp - sẽ tiếp tục hỗ trợ đồng VND.

HDC: The Light City Giai đoạn 1, Eco Home 1 dự kiến sẽ thúc đẩy sự phục hồi của doanh số bán BĐS trong năm 2026 - Cập nhật

Ngành	BDS		2025F	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	09/01/2026	TT Doanh thu	-20,0%	155,9%	22,5%	15,1%
Giá hiện tại	20.650 VND	TT EPS	773,4%	-49,0%	-38,4%	29,3%
Giá mục tiêu	24.600 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	617	315	213	314
Giá mục tiêu gần nhất	27.100 VND	Biên LN gộp	28,7%	39,5%	34,1%	38,2%
TL tăng	+19,1%	Biên LN ròng	141,0%	28,1%	15,6%	19,9%
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E	6,8x	13,2x	21,5x	16,6x
Tổng mức sinh lời	+19,1%	P/B	1,4x	1,3x	1,3x	1,2x
GT vốn hóa	4,1 nghìn tỷ đồng			<u>HDC</u>	<u>Peers</u>	<u>VNI</u>
Room KN	1,9 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		6,8x	34,2x	18,1x
GTGD/ngày (30n)	63,4 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,4x	1,5x	2,2x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE		23,9%	4,9%	13,5%
SL cổ phiếu lưu hành	199,8 tr	ROA		11,9%	2,4%	2,0%
Pha loãng	249,8 tr					

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC), nhưng giảm 9% giá mục tiêu xuống mức 24.600 đồng/cổ phiếu. Nguyên nhân điều chỉnh giảm giá mục tiêu chủ yếu đến từ việc chúng tôi (1) đưa việc pha loãng cổ phiếu từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu hoàn tất vào tháng 12/2025; số cổ phiếu chuyển đổi tương đương 25% số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại) vào mô hình định giá của chúng tôi; và (2) điều chỉnh giảm 25% dự báo doanh số bán BĐS giai đoạn 2025-2027 của chúng tôi; các yếu tố này được bù đắp một phần bởi việc chúng tôi (3) cập nhật mô hình định giá từ cuối năm 2025 sang cuối năm 2026.

* Chúng tôi dự báo KQKD quý 4/2025 sẽ không đáng kể do hoạt động bàn giao tiếp tục chậm; theo đó, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 sẽ tăng 9,3 lần YoY lên mức 617 tỷ đồng (cao gấp 3,6 lần so với dự báo trước đây), nhờ được thúc đẩy bởi khoản lãi trước thuế 767 tỷ đồng đến từ việc chuyển nhượng phần cổ phần tại dự án Đại Dương (lợi nhuận ghi nhận trong quý 2 và quý 3/2025).

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 sẽ đạt 315 tỷ đồng (-49% so với mức nền cao của năm 2025), do: (1) sự cải thiện của hoạt động bàn giao BĐS tại dự án The Light City giai đoạn 1 và Ngọc Tước 2; (2) việc khởi động mở bán và bàn giao phần nhà ở xã hội của dự án Ecotown Phú Mỹ (Eco Home 1; đã cất nóc vào tháng 12/2025); cùng với (3) khoản lãi từ việc chuyển nhượng dự án Thống Nhất cùng phần lợi nhuận còn lại được ghi nhận từ giao dịch bán cổ phần tại dự án Đại Dương.

* Chúng tôi lần lượt điều chỉnh +256%/+5%/-35% đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS các năm 2025/2026/2027 của chúng tôi, với nguyên nhân chủ yếu do sự điều chỉnh của chúng tôi đối với thời điểm ghi nhận lợi nhuận chuyển nhượng dự kiến của các dự án Đại Dương và Thống Nhất.

* Chúng tôi dự báo doanh số bán BĐS năm 2026 của HDC sẽ đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (tăng gấp 3,6 lần so với mức dự kiến năm 2025), chủ yếu nhờ đợt mở bán giai đoạn tiếp theo của dự án The Light City giai đoạn 1 và đợt mở bán của NOXH Eco Home 1.

* HDC hiện đang giao dịch ở mức P/B dự phóng năm 2026 là 1,3 lần (dựa theo dự báo của chúng tôi), thấp hơn mức trung bình 2 năm của công ty là 2,1 lần.

* Rủi ro: Tiến độ mở bán dự án chậm hơn dự kiến.

PVD: Triển vọng thăm dò-khai thác tích cực giúp hỗ trợ mở rộng thêm đội giàn khoan - Cập nhật

Ngành	Dầu khí	(Triệu USD)	2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	09/01/2026	TT Doanh thu	52,2%	5,7%	10,4%	18,9%
Giá hiện tại	29.500 VND	LNST-CĐTS (1)	28,1	34,5	48,9	76,9
Giá mục tiêu	35.600 VND	LNST-CĐTS (2)	30,2	33,9	51,9	80,5
Giá mục tiêu gần nhất	29.000 VND	TT EPS (2)	28,6%	15,0%	55,9%	58,3%
TL tăng	+20,7%	P/E (1)	27,0x	21,4x	14,8x	9,2x
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/B	1,0x	1,0x	0,9x	0,8x
Tổng mức sinh lời	+20,7%	EV/EBITDA	7,9x	10,0x	7,3x	5,5x
		(1) Báo cáo; (2) Cốt lõi				
GT vốn hóa	16,5 nghìn tỷ đồng	PVD		Peers*	VNI	
Room KN	6,3 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)	21,4x	13,0x	17,6x	
GTGD/ngày (30n)	224,4 tỷ đồng	P/B	1,0x	0,8x	2,2x	
Cổ phần Nhà nước	50,4%	Nợ ròng/VCSH	12,1%	49,8%	N/A	
SL cổ phiếu lưu hành	556,3 tr	ROE	5,3%	2,8%	13,5%	
Pha loãng	556,3 tr	ROA	3,4%	1,0%	2,0%	
PEG 2 năm	0,3	* Các CT cùng ngành trong khu vực				

* Chúng tôi điều chỉnh tăng 23% giá mục tiêu lên mức 35.600 đồng/cổ phiếu và duy trì khuyến nghị MUA đối với Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD). Nguyên nhân của việc điều chỉnh tăng giá mục tiêu đến từ mức tăng 18% của chúng tôi đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi giai đoạn 2026-2030 (với các mức điều chỉnh lần lượt là +9%/+8%/+13%/+20%/+31% cho từng năm trong giai đoạn).

* Mức điều chỉnh tăng đối với LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi chủ yếu được thúc đẩy bởi: (1) giả định của chúng tôi rằng PVD sẽ mua thêm một giàn khoan tự nâng (PVD X); (2) việc giàn khoan PVD IX đi vào hoạt động khoan sớm hơn dự kiến; (3) sự gia tăng doanh thu của dịch vụ liên quan đến giếng khoan, nhờ tầm nhìn rõ ràng hơn về chu kỳ gia tăng chi tiêu cho hoạt động thăm dò & khai thác (E&P) tại Việt Nam; và (4) sự gia tăng đối với dự báo lợi nhuận của các giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD).

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi năm 2026 sẽ tăng mạnh 53% YoY, nhờ được thúc đẩy bởi: (1) sự phục hồi của hiệu suất hoạt động giàn tự nâng, (2) mức tăng 1,9% của giá thuê giàn tự nâng trung bình, (3) đóng góp mới từ PVD VIII và PVD IX, (4) sự cải thiện của biên lợi nhuận nhờ chi phí khấu hao giảm tại giàn PVD I, và (5) mức tăng 24% của lợi nhuận gộp mảng dịch vụ liên quan đến giếng khoan, nhờ sự gia tăng của vốn đầu tư XD/CB cho hoạt động E&P.

Chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) của LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-2028 sẽ ghi nhận ở mức 45%, nhờ được thúc đẩy bởi mức tăng 2-5% mỗi năm của giá thuê ngày, đóng góp từ PVD IX (từ tháng 4/2026) và PVD X (từ năm 2028), sự phục hồi của mảng dịch vụ giếng khoan, và lợi nhuận từ các công ty liên doanh.

* PVD hiện sở hữu mức định giá hấp dẫn với P/E dự phóng năm 2026 đạt 14,8 lần, tương ứng với mức PEG là 0,3, và thấp hơn so với mức P/E trung vị của chính công ty là 32 lần.

* **Rủi ro:** PVD X triển khai muộn hơn dự kiến; tỷ lệ giá thuê ngày/giá đầu thấp hơn kỳ vọng.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
DGC	Công nghiệp	34%	906	20,8	62.700	118.000	88%	4,8%	93%	MUA	07/11/25	7,4	6,4	13,8	1,5
NLG	Bất động sản	5%	538	2,4	29.150	52.100	79%	1,4%	80%	MUA	07/11/25	16,5	20,5	21,5	1,4
KDH	Bất động sản	14%	1.222	6,3	28.600	48.500	70%	0,0%	70%	MUA	12/11/25	33,2	19,5	21,5	1,8
DXS	Bất động sản	29%	180	1,9	8.160	13.600	67%	0,0%	67%	MUA	05/12/25	11,6	9,4	21,5	0,8
STK	Dệt may	83%	82	0,0	15.300	25.500	67%	0,0%	67%	KQ	17/01/25	18,4	10,3	13,8	1,2
NVL	Bất động sản	42%	1.066	4,1	12.550	20.000	59%	0,0%	59%	MUA	01/10/25	-33,4	70,1	21,5	0,7
DXG	Bất động sản	26%	656	7,4	15.500	24.000	55%	0,0%	55%	MUA	05/12/25	58,1	35,8	21,5	1,4
VGC	KCN	43%	764	1,2	44.800	64.100	43%	4,9%	48%	MUA	21/10/25	18,5	12,8	16,2	2,2
IDC	KCN	32%	563	4,0	39.000	54.000	38%	5,1%	44%	MUA	26/11/25	9,2	7,8	21,5	2,3
SZC	KCN	18%	208	0,4	30.300	42.400	40%	3,3%	43%	KQ	01/07/25	18,8	15,5	21,5	1,7
HDG	Điện & Nước	31%	370	2,3	26.300	37.000	41%	0,0%	41%	KQ	17/11/25	14,1	7,7	21,5	1,5
DCM	Phân bón	44%	698	1,9	34.650	46.600	34%	5,8%	40%	MUA	17/09/25	9,8	7,9	13,8	1,7
HPG	VLXD	27%	7.654	38,4	26.200	35.700	36%	3,1%	39%	MUA	10/11/25	13,0	9,6	14,7	1,6
GEX	Điện & Nước	42%	1.348	19,4	39.250	54.000	38%	1,3%	39%	MUA	30/12/25	19,5	25,8	14,3	2,2
HVN	Hàng không	21%	3.180	1,4	26.850	37.100	38%	0,0%	38%	KQ	22/07/25	7,0	9,7	20,5	14,9
DPG	Điện & Nước	41%	138	0,8	36.000	48.700	35%	2,8%	38%	MUA	06/01/26	10,6	5,5	16,2	1,7
SSI	Chứng khoán	66%	2.878	27,3	30.350	40.800	34%	3,3%	38%	KQ	27/08/25	15,8	12,2	18,4	2,4
SCS	DV Hàng không	14%	193	0,5	53.400	67.000	25%	11,2%	37%	KQ	29/05/25	7,4	7,2	20,5	3,3
VPB	Ngân hàng	6%	8.531	24,7	28.250	38.000	35%	1,8%	36%	MUA	19/11/25	10,0	7,3	11,1	1,5
ACB	Ngân hàng	0%	4.800	10,5	24.550	33.300	36%	0,0%	36%	MUA	11/11/25	7,2	6,1	11,1	1,4
MSN	Bán lẻ	24%	4.210	16,3	76.500	101.200	32%	0,0%	32%	MUA	21/05/25	40,7	26,0	14,3	3,3
TV2	Điện & Nước	5%	87	0,3	34.000	43.900	29%	2,9%	32%	MUA	18/09/25	53,7	13,5	14,3	1,8
HDC	Bất động sản	46%	157	2,4	20.650	27.100	31%	0,0%	31%	KQ	21/03/25	24,1	13,9	21,5	1,4
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.389	3,3	48.950	59.000	21%	10,2%	31%	MUA	06/01/26	14,1	13,9	14,5	2,8
BWE	Điện & Nước	39%	375	1,1	44.850	57.300	28%	2,9%	31%	MUA	11/11/25	13,8	10,9	12,7	1,7
PLC	Dầu khí	48%	77	0,1	25.200	31.900	27%	4,0%	31%	MUA	12/09/25	16,1	8,1	13,8	1,6
REE	Điện & Nước	0%	1.258	0,8	61.000	78.200	28%	1,6%	30%	MUA	03/11/25	12,6	10,5	14,3	1,6

ACG	Gỗ	11%	210	0,1	36.600	45.800	25%	4,6%	30%	MUA	15/07/25	10,1	9,1	14,7	1,3
GMD	GTVT	9%	1.006	4,7	62.000	78.200	26%	3,5%	30%	MUA	21/11/25	18,7	14,1	14,3	2,1
BMI	Bảo hiểm	19%	104	0,2	18.200	23.100	27%	2,7%	30%	MUA	12/04/24	8,4	7,2	13,5	0,9
MCH	Bán lẻ	33%	8.671	7,1	176.000	220.800	25%	3,4%	29%	PHTT	28/11/25	28,9	24,3	14,5	14,3
TLG	Văn phòng phẩm	85%	187	0,9	50.900	61.900	22%	6,9%	28%	MUA	12/09/25	9,4	8,3	10,9	1,9
SIP	KCN	44%	516	0,5	56.000	69.800	25%	3,6%	28%	MUA	22/12/25	11,3	10,5	21,5	2,7
DPM	Phân bón	42%	615	2,5	23.750	29.000	22%	5,1%	27%	KQ	17/09/25	18,0	13,0	13,8	1,5
TCB	Ngân hàng	0%	9.885	21,9	36.650	44.800	22%	3,3%	26%	MUA	07/11/25	10,1	8,4	11,1	1,6
NT2	Điện & Nước	37%	267	1,2	24.400	28.600	17%	8,2%	25%	MUA	10/12/25	8,2	7,4	12,7	1,6
FRT	Bán lẻ	16%	930	4,0	143.500	178.800	25%	0,7%	25%	MUA	13/11/25	32,9	21,7	13,9	7,9
DHC	Công nghiệp	13%	124	0,3	33.600	40.100	19%	3,9%	23%	MUA	16/12/25	8,9	8,0	14,7	1,5
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	657	0,1	47.000	53.400	14%	8,5%	22%	KQ	30/08/24	6,8	6,7	14,5	1,7
FPT	CNTT	8%	6.315	22,5	97.400	116.600	20%	2,4%	22%	MUA	22/10/25	18,1	15,8	15,8	4,6
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	4.852	19,5	61.000	70.300	15%	6,6%	22%	MUA	24/04/25	15,2	14,5	14,5	3,7
MBB	Ngân hàng	0%	8.370	25,0	27.300	32.500	19%	1,8%	21%	MUA	24/11/25	8,8	6,9	11,1	1,7
PVD	Dầu khí	43%	624	10,1	29.500	35.600	21%	0,0%	21%	MUA	09/01/26	21,4	14,8	25,0	1,0
QTP	Điện & Nước	48%	219	0,1	13.000	14.600	12%	7,7%	20%	MUA	10/12/25	11,2	8,9	12,7	1,1
BMP	VLXD	14%	546	1,3	175.100	192.500	10%	9,1%	19%	MUA	12/11/25	10,9	10,2	16,2	4,6
MWG	Bán lẻ	1%	4.807	27,4	86.000	101.000	17%	1,2%	19%	MUA	14/10/25	19,4	15,2	13,9	4,0
KBC	KCN	31%	1.290	4,8	36.000	42.500	18%	0,0%	18%	MUA	24/11/25	19,7	11,5	21,5	1,4
ACV	Hàng không	46%	7.500	2,6	55.400	64.600	17%	0,0%	17%	KQ	19/11/25	18,5	25,0	14,3	3,0
PPC	Điện & Nước	40%	121	0,1	9.950	11.000	11%	5,0%	16%	KQ	10/12/25	65,9	9,9	12,7	0,7
PVS	Dầu khí	34%	714	8,1	36.700	42.100	15%	0,0%	15%	MUA	27/10/25	19,1	16,1	25,0	1,3
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	78%	488	1,6	57.100	63.500	11%	3,5%	15%	KQ	13/10/25	9,5	8,6	14,5	1,3
PC1	Điện & Nước	33%	372	4,3	23.750	27.000	14%	0,0%	14%	MUA	05/11/25	15,1	12,1	16,2	1,6
AST	DV Hàng không	5%	128	0,0	74.700	80.600	8%	4,7%	13%	MUA	26/08/25	15,5	13,0	13,9	5,2
PNJ	Bán lẻ	0%	1.337	2,4	103.000	113.500	10%	1,9%	12%	MUA	07/11/25	15,1	13,8	10,9	2,9
CTG	Ngân hàng	3%	12.046	16,9	40.750	44.900	10%	0,0%	10%	MUA	17/11/25	11,9	10,1	11,1	1,9
PHR	Công nghiệp	34%	322	0,9	62.400	67.400	8%	2,2%	10%	KQ	25/06/25	17,2	11,6	13,8	2,1
PTB	Công nghiệp	12%	151	0,3	49.500	52.000	5%	4,2%	9%	KQ	06/10/25	8,8	8,6	14,7	1,3

DGW	Bán lẻ	30%	354	2,2	42.000	45.400	8%	1,2%	9%	PHTT	18/11/25	17,5	15,0	13,9	2,9
VCB	Ngân hàng	8%	21.625	12,6	68.000	73.500	8%	1,2%	9%	MUA	10/11/25	17,5	15,6	11,1	2,6
PVT	Dầu khí	39%	363	2,8	20.300	22.100	9%	0,0%	9%	MUA	06/11/25	9,7	7,8	14,3	1,1
OIL	Dầu khí	1%	476	0,8	11.900	12.700	7%	0,8%	8%	KQ	17/10/25	148,8	26,3	25,0	1,2
STB	Ngân hàng	9%	3.717	32,1	51.800	55.400	7%	0,0%	7%	KQ	08/12/25	9,5	8,3	11,1	1,6
CTR	CNTT	40%	418	1,1	95.900	100.400	5%	2,1%	7%	KQ	12/09/25	24,8	21,4	16,2	5,1
VEA	Ô-tô	47%	1.760	0,4	34.500	30.800	-11%	14,0%	3%	PHTT	28/10/25	6,0	6,5	14,3	1,5
VIB	Ngân hàng	0%	2.326	6,1	17.950	18.500	3%	0,0%	3%	KQ	23/05/25	7,9	6,9	11,1	1,4
TDM	Điện & Nước	48%	247	0,1	58.500	58.100	-1%	2,4%	2%	PHTT	11/11/25	35,4	45,6	12,7	2,5
BID	Ngân hàng	12%	12.306	6,6	46.050	46.100	0%	0,0%	0%	MUA	17/11/25	14,1	13,4	11,1	2,0
POW	Điện & Nước	45%	1.681	7,5	14.400	14.300	-1%	0,0%	-1%	KQ	10/12/25	19,8	23,2	12,7	1,3
PLX	Xăng dầu	3%	2.079	5,4	43.000	41.100	-4%	2,8%	-2%	MUA	13/10/25	24,0	18,7	25,0	2,1
LPB	Ngân hàng	4%	4.684	12,9	41.200	39.300	-5%	2,4%	-2%	KKQ	18/11/25	12,2	11,4	11,1	2,8
GVR	Công nghiệp	12%	4.811	2,8	31.600	30.500	-3%	1,3%	-2%	KQ	31/12/25	21,7	20,7	13,8	2,2
HDB	Ngân hàng	1%	5.315	28,3	27.900	26.200	-6%	3,6%	-3%	KQ	08/09/25	6,0	5,1	11,1	2,1
TPB	Ngân hàng	7%	1.858	6,6	17.600	16.500	-6%	0,0%	-6%	MUA	27/05/25	7,0	6,4	11,1	1,2
VRE	Bất động sản	31%	3.027	15,5	35.000	32.000	-9%	0,0%	-9%	PHTT	05/12/25	12,5	14,6	21,5	1,7
HSG	VLXD	41%	369	1,5	15.600	13.500	-13%	3,2%	-10%	PHTT	18/04/25	19,5	16,5	14,7	0,9
NKG	VLXD	45%	252	2,1	14.800	13.100	-11%	0,0%	-11%	PHTT	18/04/25	15,5	11,5	14,7	0,9
BVH	Bảo hiểm	22%	1.907	1,7	67.500	56.900	-16%	1,3%	-14%	KQ	26/05/25	19,0	16,0	13,5	2,0
VHM	Bất động sản	39%	21.886	37,4	140.000	118.900	-15%	0,0%	-15%	KQ	05/12/25	14,9	13,9	21,5	2,7
GAS	Dầu khí	47%	8.917	6,3	97.100	76.100	-22%	2,6%	-19%	MUA	12/11/25	19,4	18,4	12,7	3,6
VTP	GTVT	43%	496	2,2	107.100	69.000	-36%	1,4%	-34%	PHTT	06/09/24	36,9	31,5	14,3	7,5
BSR	Lọc hóa dầu	49%	3.754	8,4	19.700	12.400	-37%	0,0%	-37%	BÁN	28/08/25	33,2	25,1	25,0	1,7
VIC	Bất động sản	40%	51.620	58,2	176.000	105.000	-40%	0,0%	-40%	BÁN	05/12/25	104,9	96,2	21,5	9,3
VJC	Hàng không	18%	4.474	18,7	198.700	114.000	-43%	0,0%	-43%	KQ	15/03/24	28,7	22,2	20,5	4,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	48	139.462	2.905	16	16,1	13,5	11,3	15,8	2,0	23,7	15,7	13,9	2,2	2,7%
KHẢ QUAN	24	63.931	2.664	9	15,8	12,9	12,1	12,6	2,4	22,5	23,0	13,5	2,6	2,3%
PHÙ HỢP TT	8	15.177	1.897	0	17,3	16,7	16,4	18,3	3,3	22,2	21,5	20,7	4,0	3,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	4.684	4.684	0	13,3	12,2	11,4	11,6	2,8	13,3	12,2	11,4	2,8	2,4%
BÁN	2	55.374	27.687	1	109,0	91,5	80,7	54,8	7,2	103,3	69,1	60,7	5,5	0,0%
TỔNG CỘNG	83	278.628	3.357	26	19,3	16,2	14,1	16,3	2,5	25,0	19,6	15,5	2,6	2,6%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	95.462	7.955	11	12,4	10,9	9,2	12,1	1,9	11,5	10,2	8,8	1,8	1,2%
Bảo hiểm	2	2.011	1.006	1	22,4	17,9	15,1	15,4	1,9	18,0	13,7	11,6	1,5	2,0%
Chứng khoán	1	2.878	2.878	1	24,3	15,8	12,2	21,3	2,4	24,3	15,8	12,2	2,4	3,3%
Tiêu dùng	13	31.060	2.389	4	19,0	17,7	15,7	21,2	3,8	24,5	18,5	15,1	4,1	4,6%
CNTT	1	6.315	6.315	1	21,0	18,1	15,8	21,7	4,6	21,0	18,1	15,8	4,6	2,4%
Bất động sản	9	80.352	8.928	2	51,4	35,3	32,5	25,7	4,3	39,7	26,9	32,7	2,4	0,2%
Vật liệu	4	8.820	2.205	1	17,0	13,1	9,9	17,2	1,6	15,6	14,7	12,0	2,0	3,8%
Điện & Nước	12	6.485	540	1	22,4	15,9	13,9	19,1	1,6	29,8	23,3	15,1	1,6	2,9%
Dầu khí	10	18.320	1.832	2	26,2	20,9	17,6	17,8	2,2	33,7	31,9	15,6	1,7	2,1%
Công nghiệp	5	1.473	295	0	9,4	8,3	7,2	13,5	1,4	15,4	10,7	8,5	1,4	3,5%
Khu công nghiệp	7	8.474	1.211	1	24,1	18,2	14,9	20,0	2,0	26,2	16,6	12,9	2,1	2,9%
GTVT & Logistics	7	16.977	2.425	1	16,9	15,1	17,8	15,8	3,9	23,3	18,9	17,5	5,8	3,0%
TỔNG CỘNG	83	278.628	3.357	26	19,3	16,2	14,1	16,3	2,5	25,0	19,6	15,5	2,6	2,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q3 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 9T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	5%	8%	MUA		Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện; sự phục hồi của doanh số bán lẻ dự kiến sẽ thúc đẩy sự phục hồi của NIM
BID	6%	3%	MUA		Tăng trưởng tín dụng khiêm tốn trong quý 3 với NIM vẫn chịu áp lực
CTG	51%	18%	MUA		KQKD xuất sắc với chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện tích cực, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB	17%	26%	KQ		NII thấp hơn kỳ vọng; chất lượng tài sản suy giảm
LPB	9%	10%	BÁN		KQKD phù hợp kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng tốt, NIM tiếp tục phục hồi, và chất lượng tài sản ổn định.
MBB	10%	10%	KQ	MUA	Tăng trưởng lợi nhuận cao hơn trong năm 2026 hỗ trợ mức ROE cao
STB	37%	27%	MUA		Đã ghi nhận phần lớn khoản thu từ việc bán nợ tại dự án Phong Phú; tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng mạnh
TCB	2%	17%	KQ		KQKD vững chắc trên mọi phương diện và phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
TPB	11%	9%	MUA		NIM tiếp tục chịu áp lực
VCB	5%	9%	MUA		Tăng trưởng tín dụng tốt trong quý 3 nhưng NIM vẫn chịu áp lực
VIB	7%	9%	KQ		Mảng cho vay bán lẻ duy trì ở mức yếu; chất lượng tài sản cải thiện
VPB	44%	41%	PHTT	MUA	Tăng trưởng dẫn đầu ngành hỗ trợ định giá hấp dẫn
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	33%	50%	MUA		Lợi nhuận quý 3 năm 2025 phục hồi nhờ cải thiện tỷ lệ kết hợp và thu nhập từ đầu tư.
BVH	37%	23%	KQ		Mảng bảo hiểm nhân thọ thúc đẩy KQKD khả quan trong quý 3
SSI	37%	13%	MUA		Tiếp tục mở rộng thị phần môi giới chứng khoán
Tiêu dùng					
CTR		9%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 16%, dẫn dắt bởi mảng hạ tầng cho thuê và dịch vụ giải pháp năng lượng mặt trời
DGW	28%	18%	PHTT	PHTT	Doanh thu tăng trưởng ở tất cả mảng kinh doanh, ngoại trừ mảng điện thoại di động; thấp hơn kỳ vọng
FPT	19%	16%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 9T 2025 tăng 19% YoY; đã phục hồi trong doanh thu kỷ mới mảng CNTT nước ngoài tiếp tục duy trì trong tháng 9
FRT	145%	134%	MUA	MUA	Long Châu duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ; FPT Shop đảo chiều có lãi ròng trong quý 3/2025
MSN (2)	72%	122%	MUA		Các mảng chính đều đã có lãi, biên lợi nhuận của WCM cải thiện dù mở rộng nhanh
MWG	73%	75%	MUA	MUA	Doanh số mảng điện tử tăng tốc, lợi nhuận mảng tạp hóa cải thiện

PNJ	17%	9%	MUA	MUA	Doanh thu bán lẻ quý 3/2025 tăng 4% YoY, trong khi LNST tăng mạnh 130% YoY từ mức nền thấp; vượt kỳ vọng
QNS	25%	0%	KQ		Mảng sửa đầu nành tiếp tục ghi nhận KQKD khả quan trong khi mảng đường giảm từ mức nền cao
SAB		3%	MUA		Biên lợi nhuận cải thiện mạnh dù sản lượng bia đang chịu áp lực
TLG	11%	3%	MUA		Lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi chi phí SG&A dù doanh thu quý 3 tăng mạnh YoY
VEA		5%	PHTT		Duy trì tăng trưởng lợi nhuận giữa bối cảnh thách thức gia tăng
VHC		10%	MUA	KQ	Tăng trưởng xuất khẩu phi lê đông lạnh đi ngang trong quý 3 do doanh thu thị trường EU tăng bù đắp cho đà giảm tại thị trường Mỹ
VNM	-10%	6%	MUA		Doanh số trong nước phục hồi trong 2 quý liên tiếp, biên lợi nhuận bắt đầu cải thiện
GTVT & Logistics					
ACV	5%	0%	KQ	KQ	Tăng trưởng sản lượng hành khách vững chắc và gánh nặng tỷ giá giảm thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh trong quý 3
AST	75%	51%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng +78% YoY nhờ đóng góp trọn quý đầu tiên của nhà ga T3 TSN và việc chuyển các khoản lỗ tính thuế; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
GMD (2)	10%	-6%	KQ		Lợi nhuận cốt lõi giảm QoQ và YoY do biên lợi nhuận gộp giảm từ nền cao và chi phí tăng mạnh, mặc dù doanh thu tăng vượt kỳ vọng
HVN	15%	13%	PHTT		Lỗi tỷ giá tăng ảnh hưởng lợi nhuận; thoát âm vốn chủ sở hữu
SCS	8%	-1%	KQ		KQKD quý 3 vượt kỳ vọng nhờ ghi nhận thông lượng hàng hóa quốc tế và giá dịch vụ trung bình ở mức cao
VJC	15%	6%	KQ		Mảng vận tải quốc tế dẫn dắt tăng trưởng
VTP		15%	PHTT		Thời tiết bất lợi ảnh hưởng đến hoạt động mảng dịch vụ, gây áp lực lên lợi nhuận của quý 3/2025
Bất động sản					
DXG	134%	-7%	KQ	MUA	Lợi nhuận trong 9T 2025 tăng trưởng phù hợp kỳ vọng của chúng tôi, được hỗ trợ bởi mảng môi giới phục hồi
DXS	220%	222%	KQ	MUA	Mức tăng mạnh của mảng môi giới thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận trong quý 3/2025
HDC	781%	145%	KQ		Ghi nhận phần lớn lợi nhuận từ việc chuyển nhượng cổ phần dự án Đại Dương trong quý 3
NVL	N.M.	N.M.	MUA		Lợi nhuận từ HĐKD và lỗ ròng quý 3 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng; đẩy mạnh thi công sẽ hỗ trợ bàn giao BĐS trong quý 4
KDH	35%	18%	MUA	MUA	Kỳ vọng khai mở giá trị quỹ đất, tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng lợi nhuận
NLG	2137%	38%	MUA	MUA	Izumi City và Paragon dự kiến sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng mạnh mẽ của doanh số bán BĐS trong năm 2026
VHM	-22%	28%	PHTT	KQ	Backlog lớn, doanh số bán BĐS tăng tốc sẽ thúc đẩy lợi nhuận năm 2026
VIC	-31%	5%	PHTT	BÁN	Lợi nhuận bất động sản duy trì vững chắc; doanh số bàn giao xe ổn định; hỗ trợ tài chính từ Chủ tịch tiếp tục được

					thực hiện; đóng góp của các mảng mới vào lợi nhuận trung hạn chưa đáng kể
VRE	26%	55%	PHTT	PHTT	Mảng cho thuê bán lẻ ổn định, doanh số bán BĐS mới sẽ hỗ trợ lợi nhuận cốt lõi 2026
Khu công nghiệp					
GVR	106%	8%	PHTT		Giá bán trung bình của cao su tăng, thu nhập ròng khác ở mức cao thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong 9T 2025
IDC	-10%	-18%	MUA	MUA	Quỹ đất chiến lược quy mô lớn thúc đẩy đà phục hồi của mảng cho thuê đất KCN
KBC	325%	287%	MUA	MUA	Mở bán Trảng Cát, backlog KCN có thể bàn giao lớn thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận 2026
PHR	35%	19%	KQ		Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA		Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	7%	4%	KQ		KQKD quý 3 kém khả quan do ghi nhận doanh thu từ BĐS KCN và BĐS nhà ở chỉ ở mức thấp
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	-16%	-5%	MUA		KQKD quý 3 thấp hơn kỳ vọng nhẹ do biên lợi nhuận gộp trong nước thấp và chi phí SG&A; một phần được bù đắp bởi doanh thu trong nước cao
BMP	27%	35%	KQ	MUA	Lợi nhuận 2026 dự kiến đạt mức cao kỷ lục mới nhờ chi phí đầu vào thuận lợi
DGC	7%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T 2025 tăng 7% YoY, phù hợp với dự báo; sản lượng quý 3 tăng bù đắp một phần cho giá bán trung bình giảm QoQ
DHC	34%	34%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 29% YoY nhờ giá giấy tăng mạnh
HPG	26%	33%	MUA	MUA	Triển vọng tích cực được hỗ trợ bởi các yếu tố thuận lợi trong nước và quốc tế
HSG (1)	36%	-2%	PHTT		Lợi nhuận quý 4 đảo chiều so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn yếu hơn so với cùng kỳ quý trước
NKG	-64%	-26%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 3 phục hồi QoQ nhờ cắt giảm chi phí, nhưng giảm 24% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm
PTB	34%	10%	KQ		LNST tăng mạnh 65% YoY; mảng đá khả quan, bù đắp cho tác động thuế quan của mảng gỗ
STK	44%	386%	KQ		Lỗ tỷ giá tiếp tục ăn mòn kết quả quý 3, song việc tái cấp vốn khoản vay USD sang VND dự kiến giúp giảm rủi ro tỷ giá trong tương lai
Điện & Nước					
BWE (2)	28%	16%	KQ	MUA	LNST quý 3 khả quan, ghi nhận lãi thoái vốn
GEX	44%	-6%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo quý 3 tăng gấp 6 lần YoY, LNST 9T tăng 44% YoY
HDG	0%	105%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 3 tăng gấp đôi nhờ mảng thủy điện vượt kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh tăng
NT2	6703%	976%	MUA	MUA	LNST quý 3 đạt mức cao kỷ lục trong 4 năm qua - tiềm năng điều chỉnh tăng rõ rệt

PC1	24%	50%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 gần như tăng gấp đôi nhờ mảng xây lắp điện tăng trưởng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng rõ rệt
POW	74%	93%	KQ	KQ	LNST quý 3 tăng gấp đôi YoY, LNST báo cáo 9T 2025 hoàn thành 141% dự báo cả năm, tiềm năng tăng dự báo
PPC	-82%	-88%	PHTT	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS 9 tháng giảm 81% YoY do sản lượng thấp đi kèm với chênh lệch giá thu hẹp, thấp hơn kỳ vọng
QTP	-15%	-15%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS trong 9T giảm 15% YoY do sản lượng và chênh lệch giá giảm nhẹ; thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng
REE	45%	31%	PHTT	MUA	Mảng thủy điện vượt trội so với kỳ vọng, thúc đẩy tăng trưởng LNST
TDM (2)	-48%	-63%	PHTT	PHTT	Sản lượng Q3 2025 yếu, M&A Biwase Can Tho
TV2	-11%	4%	MUA		Mức lợi nhuận cao từ công ty liên kết thúc đẩy LNST quý 3
DPG	66%	52%	MUA		Sản lượng thủy điện đạt mức cao, thúc đẩy LNST trong 9T/2025, phù hợp với dự báo
VGC	50%	3%	PHTT	MUA	Lượng bàn giao đất KCN thấp hơn dự kiến, mảng VLXD trên đà phục hồi, rủi ro điều chỉnh giảm dự báo
Dầu khí					
BSR	201%	370%	BÁN		Sự phục hồi của KQKD trong quý 3 thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận 9 tháng đầu năm, phù hợp với dự báo
DCM (2)	45%	44%	MUA	MUA	LNST gần như tăng gấp ba trong quý 3 nhờ mảng urê tăng mạnh
DPM	51%	101%	KQ	KQ	LNST tăng gấp 3.8 lần YoY nhờ sự gia tăng của giá bán trung bình và sự sụt giảm của chi phí khí đầu vào
GAS	19%	18%	KQ	MUA	LNST cốt lõi quý 3 giảm do giá LPG/giá FO ở mức thấp, phù hợp dự báo
OIL (2)	-13%	-8%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 3 tăng gấp 4 lần nhờ mức tăng trưởng 12% của sản lượng bán hàng và sự cải thiện của biên lợi nhuận mảng dịch vụ; phù hợp với kỳ vọng
PLX (2)	-9%	-5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp 10 lần YoY nhờ mức tăng 11% của sản lượng bán hàng; phù hợp với kỳ vọng
PLC	331%	193%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 9T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ kết quả tích cực ở tất cả các mảng kinh doanh; tiềm năng tăng nhẹ dự báo
PVD (2)	7%	13%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo trong 9T tăng 36% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ
PVS (2)	100%	62%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp đôi YoY nhờ doanh thu và thu nhập tài chính ròng tăng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PVT (2)	-9%	2%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi trong 9T giảm 9% do thị trường tàu chở dầu kém khả quan; phù hợp với dự báo

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của tổng EPS quý 2-quý 4/năm tài chính 2025. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.867,9	12,3
VN 30	2.066,2	-7,8
VN Mid	2.175,7	-45,2
VNSmall	1.455,2	-11,9

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	247,1	-2,0
HNX30	531,4	-9,9
VNX Allshare	3.010,9	-22,9

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	121,8	0,2

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.168,9	8,1%
Khối ngoại mua	4.734,1	12,1%
Khối ngoại bán	3.929,4	10,0%
Tổng giao dịch	39.275,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	97,5	4,4%
Khối ngoại mua	107,4	4,9%
Khối ngoại bán	94,0	4,3%
Tổng giao dịch	2.203,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	58,6	6,8%
Khối ngoại mua	16,2	1,9%
Khối ngoại bán	46,8	5,4%
Tổng giao dịch	864,5	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DCL	3.050	7,0%
VTP	7.000	7,0%
BID	3.000	7,0%
MSH	2.300	7,0%
CTR	6.200	6,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSV	10.600	7,3%
DNP	1.200	6,3%
C69	700	5,2%
TNG	800	4,4%
IDC	1.100	2,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DRI	753	5,6%
BGE	142	3,0%
G36	304	2,7%
ACV	1.404	2,6%
FOX	1.578	2,4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DXS	-610	-7,0%
SGR	-1.250	-6,9%
CII	-1.350	-6,9%
PDR	-1.250	-6,8%
TCH	-1.150	-6,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CEO	-1.800	-8,9%
L14	-1.300	-4,7%
SHS	-900	-4,6%
IDJ	-200	-4,1%
HLD	-800	-3,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BCR	-114	-6,7%
AIG	-1.959	-4,2%
AAS	-292	-3,0%
ABW	-210	-1,8%
BVB	-212	-1,6%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VCB	2.178
VIC	2.004
MBB	1.896
CTG	1.554
TCB	1.480

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
CEO	716
SHS	358
PVS	239
IDC	171
MBS	126

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VGI	415
ACV	243
ABB	139
VGI	69
DRI	69

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PVP	1.737.967	155.708
AGG	6.563.731	981.946
VCB	32.542.368	5.611.046
GIL	722.610	126.402
PHR	2.404.563	425.344
CTR	1.888.360	336.125
BID	22.963.632	4.313.463
HT1	1.314.925	260.475
BCM	2.150.832	432.896
DPR	2.283.905	463.883

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DDG	2.183.277	187.799
GKM	984.712	87.483
DST	778.100	95.389
PVG	589.062	96.422
KSV	360.594	68.256
L40	271.239	53.916
TNG	2.464.890	557.660
BCC	203.420	50.046
CEO	37.702.477	11.674.217
NSH	313.722	98.964

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BOT	741.738	76.185
ACM	639.631	65.867
DRI	4.859.005	561.969
BGE	816.434	121.750
BCR	2.255.938	376.007
CVN	537.340	95.919
DSH	225.664	58.089
KCB	228.903	64.368
ACV	4.417.852	1.332.810
FOX	467.475	163.358

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.451,7		15,6	2,0	13,2
SSI	2.878,0	65,8	16,4	2,4	13,1
VIX	1.247,5	89,7	7,7	1,6	24,1
VND	1.118,4	86,6	15,2	1,4	9,7
VCI	1.085,7	70,5	21,4	2,3	8,8
HCM	929,1	10,4	17,0	2,3	10,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	645,5		12,8	1,7	14,4
BVH	1.907,4	21,9	18,9	2,0	11,3
PVI	833,7	42,4	18,4	2,5	14,2
BIC	181,1	3,6	8,4	1,5	18,6
VNR	158,9	22,4	8,8	1,0	11,9
MIG	146,5	83,7	9,6	1,5	15,8

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.196,9		20,5	4,3	23,8
ACV	7.500,7	45,7	18,5	3,0	16,8
GEE	2.856,1	49,8	22,5	10,1	48,1
MVN	2.519,0	0,0	38,3	4,9	13,2
VEA	1.760,5	47,4	6,0	1,5	26,9
GEX	1.348,3	41,6	17,0	2,2	14,1

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	4.292,7		21,5	5,4	24,5
MCH	8.672,5	33,5	28,6	14,3	46,8
VNM	4.853,0	51,6	14,7	3,7	26,4
MSN	4.210,6	24,4	34,8	3,3	10,5
SAB	2.389,9	40,9	14,5	2,8	18,9
PNJ	1.337,6	0,2	14,9	2,9	20,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.530,0		26,2	1,5	6,7
BSR	3.755,0	48,8	47,7	1,7	3,7
PLX	2.079,8	2,8	20,6	2,1	10,3
PVS	714,5	34,0	12,9	1,3	10,4
PVD	624,2	42,8	18,4	1,0	5,5
OIL	476,5	0,7	31,6	1,2	3,8

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.724,0		21,8	5,2	12,4
GAS	8.918,8	47,2	19,4	3,6	18,9
POW	1.681,7	45,4	21,3	1,3	5,8
REE	1.257,8	0,0	12,8	1,6	13,2
PGV	945,1	50,0	34,6	1,6	4,9
DNH	816,8	0,0	21,0	17,7	19,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	16.324,6		45,2	4,4	14,3
VIC	51.627,8	40,3	153,4	9,3	6,2
VHM	21.889,5	38,8	22,8	2,7	12,7
VRE	3.027,5	30,8	16,3	1,7	11,1
BCM	2.797,3	32,0	19,9	3,4	18,0
KSF	2.281,2	50,0	13,7	5,0	23,4

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	12.880,6		12,1	1,9	16,7
VCB	21.628,7	7,9	16,2	2,6	16,8
BID	12.308,1	12,4	12,2	2,0	17,3
CTG	12.048,1	3,0	9,5	1,9	21,1
TCB	9.886,2	0,0	11,8	1,6	14,2
VPB	8.531,9	5,6	10,9	1,5	14,0

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.949,6		-284,8	7,3	-35,4
VPL	6.355,4	48,9	-1.561,4	4,7	-0,3
MWG	4.807,3	1,2	21,7	4,0	19,7
VJC	4.474,8	17,8	68,6	4,8	7,8
HVN	3.180,2	20,8	7,1	14,9	-229,1
FRT	930,3	16,3	39,6	7,9	24,8

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	4.292,7		21,5	5,4	24,5
HPG	8.672,5	27,3	28,6	14,3	46,8
GVR	4.853,0	12,1	14,7	3,7	26,4
KSV	4.210,6	0,0	34,8	3,3	10,5
MSR	2.389,9	99,9	14,5	2,8	18,9
DGC	1.337,6	34,4	14,9	2,9	20,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.530,0		26,2	1,5	6,7
DHG	3.755,0	46,2	47,7	1,7	3,7
IMP	2.079,8	24,8	20,6	2,1	10,3
DHT	714,5	9,0	12,9	1,3	10,4
DVN	624,2	0,0	18,4	1,0	5,5
DBD	476,5	84,5	31,6	1,2	3,8

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.724,0		21,8	5,2	12,4
FPT	8.918,8	8,0	19,4	3,6	18,9
CMG	1.681,7	13,9	21,3	1,3	5,8
SAM	1.257,8	48,5	12,8	1,6	13,2
ELC	945,1	45,9	34,6	1,6	4,9
SGT	816,8	-5,5	21,0	17,7	19,3

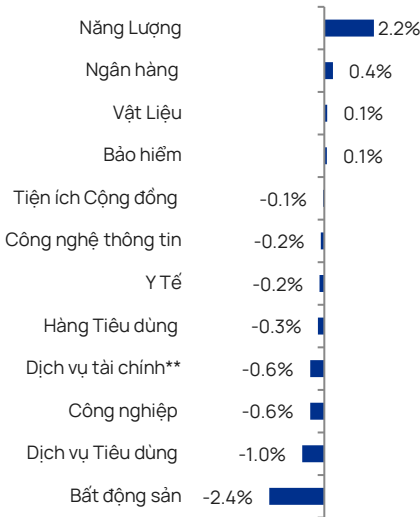
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

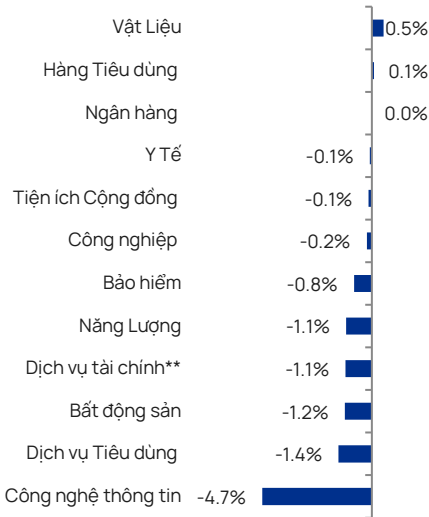
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

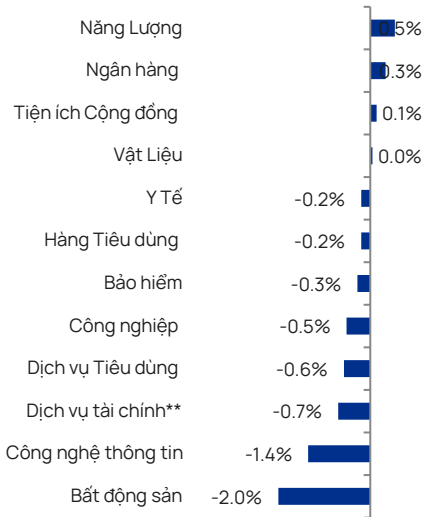
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



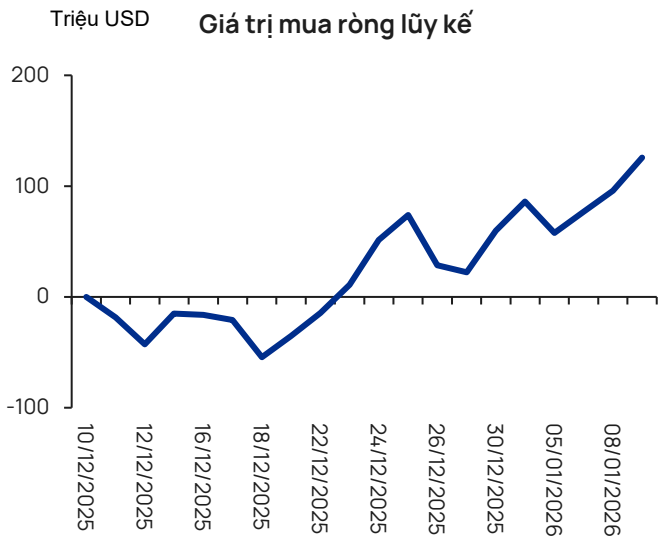
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



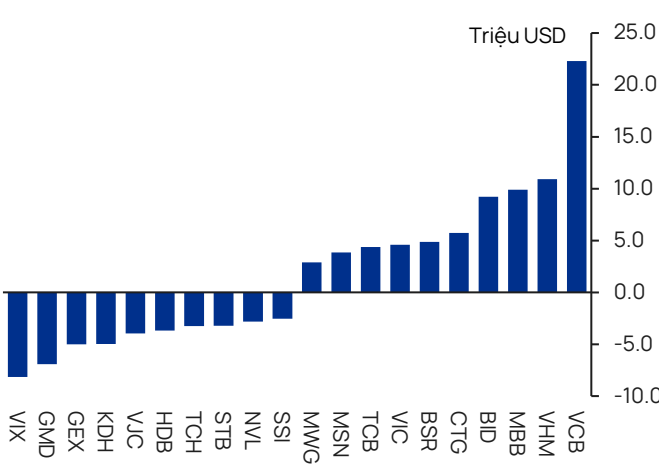
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

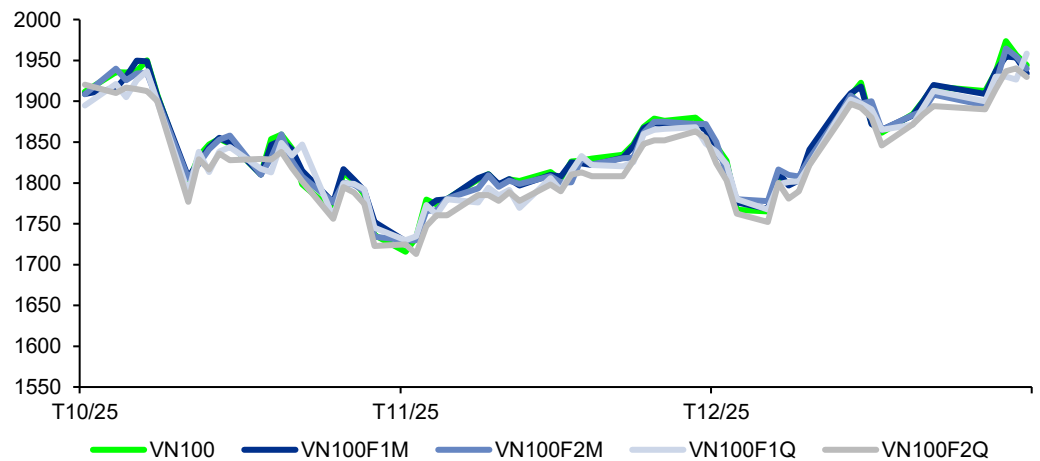
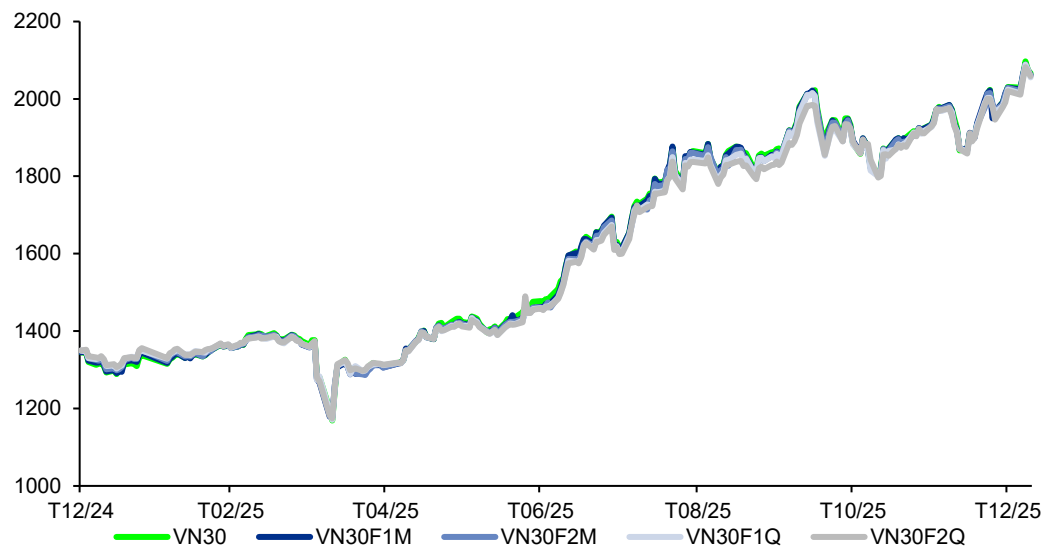


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	2.061,6	-12,4	-0,6%	-4,6
VN30F2M	2.061,0	-12,0	-0,6%	-5,2
VN30F1Q	2.055,2	-19,7	-0,9%	-11,0
VN30F2Q	2.059,2	-12,3	-0,6%	-7,0
VN100F1M	1.934,2	-19,4	-1,0%	-10,0
VN100F2M	1.940,1	-14,8	-0,8%	-4,1
VN100F1Q	1.958,2	31,7	1,6%	14,0
VN100F2Q	1.929,9	-10,5	-0,5%	-14,3

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	33.435	-9,2%	327,10	9,8%
VN30F2M	2.822	8,3%	1,68	2,9%
VN30F1Q	542	-0,4%	0,09	34,4%
VN30F2Q	289	-0,7%	0,00	-99,5%
VN100F1M	51	8,5%	0,04	25,8%
VN100F2M	16	-11,1%	0,02	15,4%
VN100F1Q	10	-44,4%	0,02	80,0%
VN100F2Q	7	-30,0%	0,02	7,1%

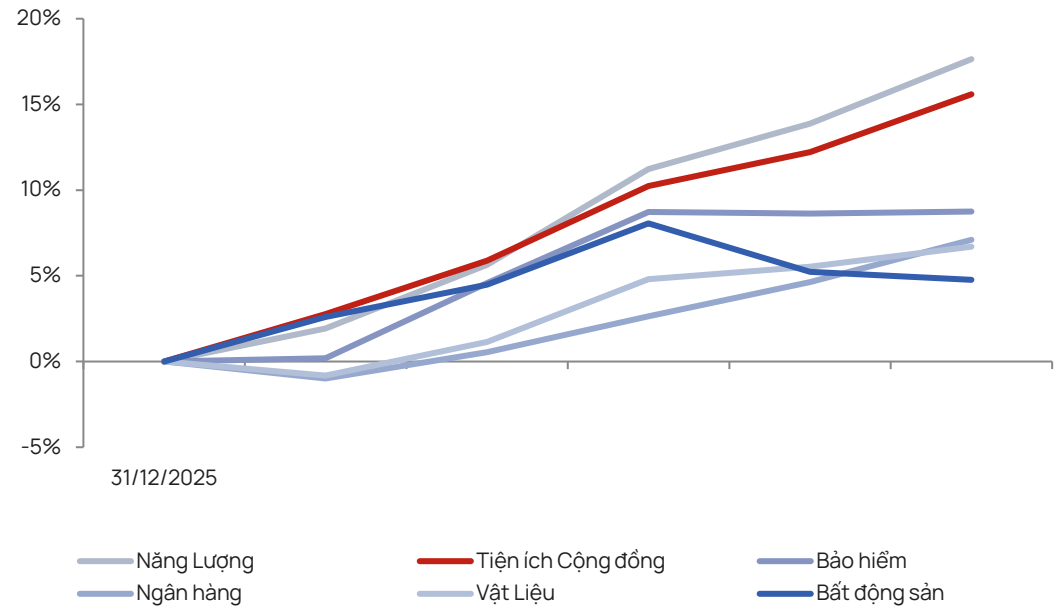


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

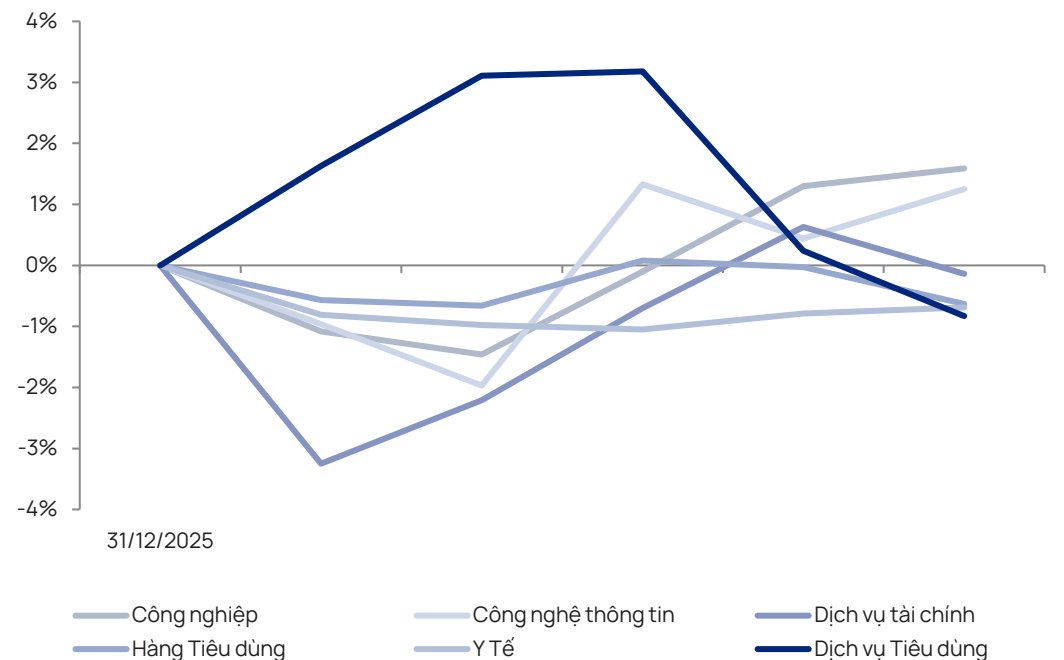
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



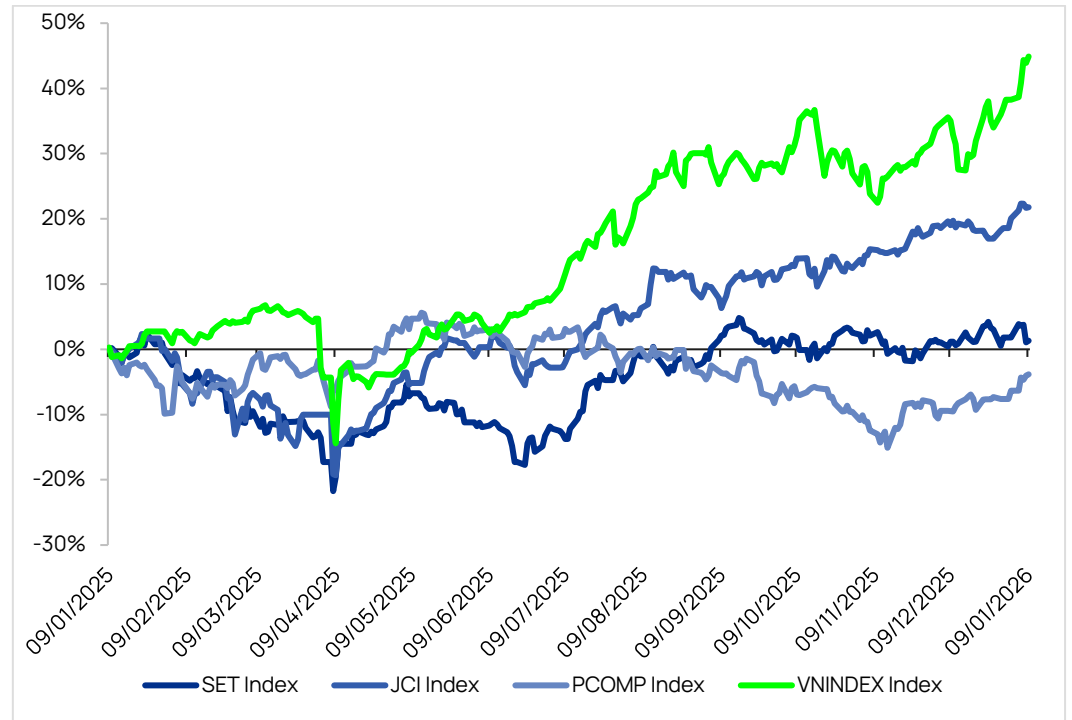
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



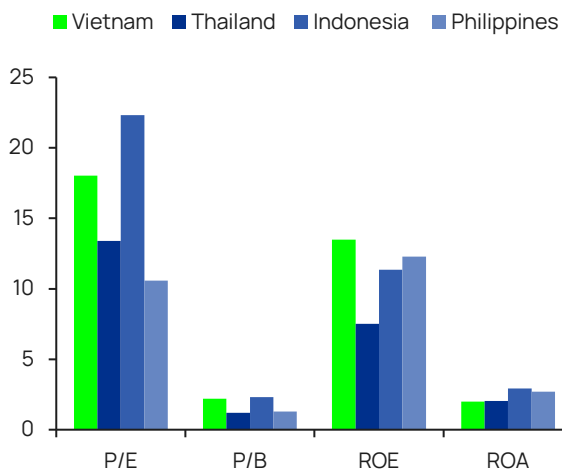
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	13,4	22,3	10,6	18,0
P/B	1,2	2,3	1,3	2,2
ROE (%)	7,5	11,4	12,3	13,5
ROA (%)	2,0	2,9	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	514,5	964,1	153,4	328,8
GTGD trung bình, tr USD	1.154,4	946,9	80,9	926,8
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-3.344,7	-722,0	-816,4	-4.709,0
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(99,7)	106,0	36,5	(6,6)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,33%	5,53%	5,83%	3,54%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.